TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **41**/2024/DS-ST
Ngày: 26-01-2024
V/v tranh chấp hợp tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Nguyên và bà Phan Hoàng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên toà: Không thuộc trường hợp Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 483/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 687/2023/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ: 2 N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Do bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kha Đức T – Trưởng Phòng G thuộc chi nhánh A. Địa chỉ: B đường T, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang. (Theo quyết định số 3524/2023/QĐ-PL ký ngày 25/12/2023 của Tổng Giám Đốc V/v ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng).

Ông Kha Đức T ủy quyền lại cho ông Phạm Minh T1 - Phó Phòng Giao dịch Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh A – Phòng G. Theo Giấy ủy quyền ngày 12/01/2024 của Trưởng Phòng G thuộc chi nhánh A. Địa chỉ liên hệ: 231 đường T, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ G, ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa ngày 26/01/2024 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP S thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngày 20/01/2021, bà Trần Thị H có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 156.897.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 123.958.642 đồng. Đến ngày 16/05/2022 bà H không còn thực hiện trả nợ cho Ngân hàng, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 05/12/2023, bà H còn nợ số tiền là 103.162.233 đồng, cụ thể như sau:

- Dư nợ gốc: 51.137.532 đồng;
- Lãi trong hạn: 34.683.134 đồng;
- Lãi quá hạn: 17.341.567 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà H, yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà H trả nợ, tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 05/12//2023 là 103.162.233 đồng và bà H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/12/2023 cho đến ngày trả dứt nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng hai bên đã ký kết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bị đơn bà Trần Thị H thể hiện ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 05/12/2023 như sau:

Bà xác định có ký hợp đồng mở thẻ tín dụng như ngân hàng trình bày. Đối với nợ gốc hiện tại bà xác định chỉ còn nợ ngân hàng số tiền 41.137.532 đồng, không phải 51.137.532 đồng. Do lần cuối cùng bà thanh toán được số tiền 10.000.000 đồng. Tuy nhiên hiện tại bà không có chứng cứ để cung cấp đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng nên bà thống nhất còn nợ ngân hàng

số tiền đến ngày 05/12/2023 là 103.162.233. Trong đó: gốc 51.137.532 đồng; lãi trong hạn 34.683.134 đồng và lãi quá hạn: 17.341.567 đồng. Để tạo điều kiện cho bà thanh toán nợ bà đề nghị được thanh toán nợ gốc và một phần lãi tổng cộng là 70.000.000 đồng. Thời hạn thanh toán chậm nhất là 20/12/2023.

Tại phiên tòa ngày 26 tháng 01 năm 2024: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà H trả tiền vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bà H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố L nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Về thủ tục ủy quyền: Ngân hàng TMCP S ủy quyền cho ông T1. Việc ủy quyền phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, ông T1 tham gia với tư cách người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2.2] Bà H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông T1, bà H.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 10782612 mà bà H ký kết với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh A - Phòng G ngày 20/01/2021 thể hiện hạn mức tín dụng ngân hàng cấp cho bà H vay là 50.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ đến ngày 16/5/2022 bà H ngưng trả gốc, cũng như lãi cho đến nay. Tính đến ngày 25/01/2024 bà H còn nợ lại nợ gốc là 51.137.532 đồng; tiền lãi trong hạn 39.118.556 đồng; lãi quá hạn là 19.559.278 đồng. Tổng số tiền bà H nợ là 109.815.365 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tại biên bản hòa giải ngày 05/12/2023 bà H thừa nhận khoản nợ gốc còn nợ lại ngân hàng. Đồng thời, hai bên có thỏa thuận nếu đến ngày 20/12/2023 bà H thanh toán cho ngân hàng nợ gốc và lãi là 70.000.000 đồng thì ngân hàng sẽ xem xét miễn số tiền lại còn lại cho bà H. Trường hợp đến thời điểm 20/12/2023 bà H không có khả năng thanh toán thì vụ án sẽ được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Đến thời điểm hiện tại bà H vẫn không thanh toán cho ngân hàng được như nội dung thỏa thuận tại buổi hòa giải ngày 20/12/2023. Do đó, căn cứ vào các tài

liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp yêu cầu buộc bà H có nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi của ngân hàng phù hợp với Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải nộp theo quy định pháp luật. Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 85, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228, 238, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S: Buộc bị đơn bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ lại của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 10782612, ngày 20/01/2021 ký giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh A - Phòng G là 109.815.365 (Một trăm lẻ chín triệu, tám trăm mười lăm nghìn, ba trăm sáu mươi lăm) đồng. Trong đó: Nợ gốc là 51.137.532 đồng, lãi trong hạn là 39.118.556 đồng, lãi quá hạn là 19.559.278 đồng.

Kể từ ngày 26/01/2024 bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H phải nộp 5.491.000 (Năm triệu, bốn trăm chín mươi mốt nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP S được nhận lại 2.392.000 (Hai triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001008, ngày 06 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

3/ Số tiền gốc, lãi bà Trần Thị H trả cho Ngân hàng TMCP S và tiền tạm ứng án phí Ngân hàng TMCP S được nhận lại sẽ do Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh A - Phòng G đại diện nhận thay.

4/ Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP S, bà Trần Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Bé Thu